

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các âm *d, đ*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có *d, đ*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các chữ *d, đ* (kiểu chữ thường); viết đúng các tiếng, từ ngữ có chứa *d, đ*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *d, đ* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói lời *chào hỏi*. Phát triển kĩ năng nói theo chủ điểm *chào hỏi* được gợi ý trong tranh.
- Phát triển kĩ năng nhận biết nhân vật khách đến nhà chơi hoặc bạn của bố mẹ và suy đoán nội dung tranh minh hoạ, biết nói lời chào khi gặp người quen của bố mẹ và gia đình.
- Cảm nhận được tình cảm, mối quan hệ với mọi người trong xã hội.

II CHUẨN BỊ

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của các âm *d, đ*; cấu tạo và cách viết các chữ *d, đ*; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.
- Chú ý sự khác biệt của những từ ngữ dùng ở mỗi phương ngữ: *đá dế* (phương ngữ Trung và Nam) và *chọi dế* (phương ngữ Bắc Bộ).
- Hiểu về một số trò chơi
 - + *Dung dăng dung dè*: Một trò chơi dân gian khá phổ biến. Cách chơi: 5 – 6 bạn nhỏ nắm tay nhau, đi hàng ngang trên một không gian rộng (sân chơi), vừa đi vừa đung đưa ra phía trước rồi ra sau theo nhịp bài đồng dao *Dung dăng dung dè*. Đến câu cuối “Ngồi sập xuống đây” thì tất cả cùng ngồi xổm một lát, rồi đứng dậy vừa đi vừa hát tiếp.
 - + *Đá dế*: Còn được gọi là *chọi dế*. Đây là một trò thi đấu giữa hai con dế đực (dế chọi) với nhau. Dế chọi nhỏ hơn dế thường và có thân đen bóng hoặc nâu sẫm, đầu cánh có một chấm vàng (còn gọi là dế trũi hoặc dế dũi).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

- GV hướng dẫn HS ôn lại các chữ vừa học trong bài trước (chữ *ô, dấu nặng*) và tạo tâm thế cho giờ học bằng trò chơi phù hợp.
- Ổn định lớp để bắt đầu bài mới.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.

- GV và HS thống nhất câu trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Dưới gốc đa,/ các bạn/ chơi dung dăng dung dề.*
- GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm *d, đ*; giới thiệu chữ ghi âm *d, đ*.

3. Đọc

a. Đọc âm

- Đọc âm *d*
 - + GV đưa chữ *d* lên bảng để giúp HS nhận biết chữ mới trong bài học này.
 - + GV đọc mẫu âm *d*.
 - + Một số (4 - 5) HS đọc âm *d*, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

- Đọc âm *đ*

Quy trình giống với quy trình đọc âm *d*.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu *dề, đa* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *dề, đa*.
 - + Một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng mẫu *dề, đa* (*dờ - e - de - hời - dề; dờ - a - đa*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
 - + Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đọc tiếng chứa âm *d*
 - GV đưa các tiếng *da, dề, dể*, yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm *d*).
 - Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm *d*.
 - Đọc trơn các tiếng có cùng âm *d*.
 - + Đọc tiếng chứa âm *đ*

Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa âm *d*.

- + Đọc trơn các tiếng chứa các âm *d, đ* đang học: Một số (3 - 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 - 4 tiếng có cả hai âm *d, đ*.
- + Một số (2 - 3) HS đọc tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa *d, đ*.
 - + GV yêu cầu 3 - 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *đá dể, đa đa, ô đồ*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *đá dể*, GV nêu yêu cầu nói tên trò chơi trong tranh. GV cho từ *đá dể* xuất hiện dưới tranh. HS phân tích và đánh vần tiếng *đá*, đọc trơn tiếng *đá*, phân tích và đánh vần tiếng *dể*, đọc trơn tiếng *dể*, đọc trơn từ ngữ *đá dể*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *đa đa, ô đồ*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV giới thiệu chữ *d, đ* và hướng dẫn HS quan sát.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết chữ *d, đ*.
- HS viết chữ vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết của HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS tô và viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các chữ *d, đ*; từ ngữ *đá dể*.
- GV quan sát và hỗ trợ những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa lỗi cho HS.

6. Đọc câu

- HS đọc thầm cả câu; tìm tiếng có các âm *d, đ*.
- GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần thiết).
- GV đọc mẫu cả câu.
- HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.
- HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc: *Tranh vẽ ai? Tay bạn ấy cầm cái gì? Lưng bạn ấy đeo cái gì? Bạn ấy đang đi đâu?*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Em nhìn thấy những ai trong hai bức tranh? Khi có khách đến nhà, Hà nói với khách thế nào? Khi bố mẹ dẫn Nam đến chơi nhà chú Tư, Nam nói với chú Tư thế nào?*

- GV giới thiệu nội dung tranh: Có hai bức tranh với hai tình huống khác nhau nhưng nội dung đều hướng đến việc rèn luyện kỹ năng nói lời chào: Chào khách đến chơi nhà và chào chủ nhà khi đến chơi nhà ai đó.
- HS chia nhóm, đóng vai chủ nhà và khách để thực hiện hành vi chào hỏi.
- Đại diện mỗi nhóm đóng vai chủ và khách thực hiện chào hỏi trước lớp, GV và HS nhận xét.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa âm *d, đ* và đặt câu với các từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các chữ *d, đ* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp chào hỏi ở nhà.